

Phụ lục I
CÁC BIỂU MẪU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2772/QĐ-BKHCN
ngày 13 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

1. **Biểu mẫu A1-ĐXNV-CNCL:** Phiếu đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược.
2. **Biểu mẫu B1-GUQ:** Giấy ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng tư vấn cho Phó Chủ tịch Hội đồng tư vấn.
3. **Biểu mẫu B2-YKTVHĐ-CNCL:** Phiếu ý kiến nhận xét đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược của thành viên Hội đồng tư vấn xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược.
4. **Biểu mẫu B3-PĐGHĐ-CNCL:** Phiếu đánh giá đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược của thành viên Hội đồng tư vấn xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược.
5. **Biểu mẫu B4-BBKP-CNCL:** Biên bản kiểm phiếu đánh giá đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược của Hội đồng tư vấn xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược.
6. **Biểu mẫu B5-BBHĐ-CNCL:** Biên bản họp Hội đồng tư vấn xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược.

TỔ CHỨC ĐỀ XUẤT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	, ngày ... tháng ... năm

ĐỀ XUẤT Ý TƯỞNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược¹:
- Tổ chức đề xuất:
- Cơ quan phối hợp và phương án hợp tác quốc tế (nếu có):²
- Thời gian thực hiện: tháng (từđến).
- Dự kiến tổng kinh phí thực hiện³: tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:%.
- Ngoài ngân sách nhà nước⁴:%.

Kèm theo Bảng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo⁵.

- Cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù (nêu chi tiết về cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù):

II. NỘI DUNG

¹ Đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược phải thuộc Danh mục nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược gắn với bài toán lớn số 16, 17 và 18 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 808/QĐ-TTg ngày 06/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ quản.

² Nêu rõ đối tác, nội dung hợp tác, phạm vi thực hiện, cơ chế phối hợp.

³ Dự toán kinh phí thực hiện đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

⁴ Từ khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị sự nghiệp.

⁵ Gồm các nội dung: Chi thù lao thực hiện nhiệm vụ; Thuê chuyên gia (trong nước, nước ngoài); Nguyên liệu, nhiên liệu, mẫu vật; Sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản; Công tác tổ chức, tham gia hội nghị; Dịch vụ thuê ngoài; Điều tra, khảo sát thu thập số liệu; Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn; Công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế; Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; Tư vấn xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài; Phổ biến, tuyên truyền kết quả của nhiệm vụ; Công tác quản lý chung nhiệm vụ; Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ.

1. Tính cấp thiết (nêu rõ các căn cứ triển khai; phân tích hiện trạng, vấn đề cần giải quyết; sự phù hợp về các căn cứ, nguyên tắc và tiêu chí xây dựng; phân tích tính mới):

2. Mục tiêu (nêu rõ mục tiêu tổng quát và cụ thể; các chỉ tiêu đạt được):

3. Nội dung (Có thể chia theo các nội dung cụ thể, nêu trọng tâm hướng đến giải quyết các vấn đề KH, CN&ĐMST cấp thiết của ngành, lĩnh vực, địa phương):

4. Kết quả dự kiến và chỉ tiêu đánh giá (dạng sản phẩm, số lượng, cấp độ công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật, giải pháp chuyển giao, chỉ tiêu thương mại hóa, v.v.):

5. Tính khả thi (đánh giá năng lực tổ chức đề xuất, cơ chế quản lý, bố trí nguồn lực, khả năng phối hợp; yếu tố pháp lý và kỹ thuật bảo đảm thực hiện):

6. Phương án tổ chức triển khai (nêu rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan trong việc triển khai nhiệm vụ trong trường hợp ý tưởng được xây dựng thành nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược):

7. Khả năng thương mại hóa (chỉ rõ điểm mới về công nghệ, sản phẩm, quy trình, mô hình tổ chức; khả năng ứng dụng và thương mại hóa trong thực tiễn):

8. Dự kiến hiệu quả và tác động⁶:

....., ngày ... tháng ... năm...

TỔ CHỨC ĐỀ XUẤT

(Ký tên, đóng dấu)

⁶ Đánh giá về dự kiến hiệu quả, tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 17 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 18 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy định trình tự, thủ tục xây dựng đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển công nghệ chiến lược do Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ quản tại Quyết định số 808/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược;
- Căn cứ Quyết định số/QĐ-BKHCN ngày tháng năm 20..... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược.
....., ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

I. Bên ủy quyền:

1. Họ và tên:Số điện thoại:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Học hàm, học vị/Trình độ chuyên môn:
4. Đơn vị công tác:
5. Địa chỉ:
6. Số CCCD/Hộ chiếu:Nơi cấp:..... Ngày cấp:

II. Bên được ủy quyền:

1. Họ và tên:Số điện thoại:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Chức danh khoa học/Trình độ chuyên môn:
4. Đơn vị công tác:
5. Địa chỉ:
6. Số CCCD/Hộ chiếu:Nơi cấp:..... Ngày cấp:

III. Nội dung ủy quyền:

Ủy quyền cho Ông/Bà:..... là Phó chủ tịch Hội đồng tư vấn xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược:
.....

IV. Cam kết: Tôi cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thông tin ủy quyền ở trên./.

Bên ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Bên được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20....

**PHIẾU NHẬN XÉT
ĐỀ XUẤT Ý TƯỞNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC**

Ủy viên phản biện	
Chủ tịch/Ủy viên hội đồng	

Họ và tên ủy viên Hội đồng tư vấn:

Tên đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược:

I. NHẬN XÉT ĐỀ XUẤT Ý TƯỞNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC (đánh dấu **X** vào ô lựa chọn)

1. Đáp ứng chỉ tiêu quy định tại Điều 4 của Quy định này:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

2. Có tính cấp thiết, tính mới, giải quyết được vấn đề, bài toán thực tiễn của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương hoặc doanh nghiệp:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

3. Có tầm quan trọng, tác động đối với phát triển kinh tế-xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

4. Có đơn vị dự kiến tiếp nhận, ứng dụng khai thác kết quả nhiệm vụ hoặc có phương án tổ chức quản lý, sử dụng, chuyển giao, thương mại hóa, nhân rộng kết quả sau khi nhiệm vụ hoàn thành:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐ Không đạt yêu cầu ☐

5. Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

6. Không trùng lặp về mục tiêu, nội dung chính và sản phẩm chủ yếu với các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

Kiến nghị của ủy viên Hội đồng tư vấn:

☐ Đề nghị không thực hiện

☐ Đề nghị thực hiện

☐ Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

II. DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

II.1. Thông tin chung

1. Dự kiến tên đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược:

2. Tổ chức đề xuất:

3. Cơ quan chủ trì quản lý đề xuất nhiệm vụ (dự kiến):

4. Cơ quan phối hợp và phương án hợp tác quốc tế (nếu có):

5. Thời gian thực hiện: tháng (từđến.....).

6. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện: đồng.

Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách nhà nước:%.

- Ngoài ngân sách nhà nước:%.

7. Cơ chế đầu tư, tài chính, cơ chế quản lý đặc thù (nếu có):

II.2. Nội dung

1. Tính cấp thiết:

2. Mục tiêu:

3. Nội dung:

4. Kết quả dự kiến và chỉ tiêu đánh giá: *(sản phẩm, các chỉ tiêu đánh giá chính)*

5. Tính khả thi:

6. Phương án tổ chức triển khai:

7. Khả năng thương mại hóa:

8. Dự kiến hiệu quả và tác động:

....., ngày ... tháng ... năm 20...
(Ủy viên Hội đồng tư vấn ký, ghi rõ họ tên)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

Biểu mẫu B3-PĐGHĐ-CNCL
.../QĐ-BKHCN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20....

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ
ĐỀ XUẤT Ý TƯỞNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC**

Tên đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược:

Đánh giá của ủy viên Hội đồng tư vấn: (đánh dấu X vào ô lựa chọn)

1. Đáp ứng chỉ tiêu quy định tại Điều 4 của Quy định này:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

2. Có tính cấp thiết, tính mới, giải quyết được vấn đề, bài toán thực tiễn của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương hoặc doanh nghiệp:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

3. Có tầm quan trọng, tác động đối với phát triển kinh tế-xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

4. Có đơn vị dự kiến tiếp nhận, ứng dụng khai thác kết quả nhiệm vụ hoặc có phương án tổ chức quản lý, sử dụng, chuyển giao, thương mại hóa, nhân rộng kết quả sau khi nhiệm vụ hoàn thành:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

5. Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

6. Không trùng lặp về mục tiêu, nội dung chính và sản phẩm chủ yếu với các nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược đã và đang thực hiện:

Đánh giá: Đạt yêu cầu ☐

Không đạt yêu cầu ☐

Kết luận chung:

☐ Đề nghị thực hiện

☐ Đề nghị không thực hiện

....., ngày ... tháng ... năm 20...

(Ủy viên Hội đồng tư vấn ký, ghi rõ họ tên)

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC**

....., ngày... tháng... năm 20...

1. Quyết định thành lập Hội đồng: số/QĐ-BKHCN ngày/.../20... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Tổng số thành viên Hội đồng tham dự: .../...

Số thành viên vắng mặt:....., gồm:

3. Kết quả kiểm phiếu:

- Số phiếu phát ra:

- Số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ:

- Số phiếu không hợp lệ:

4. Kết quả:

[illegible]

2															
...	...														

Chủ tịch Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thư ký khoa học
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm 20....

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC**

A. Những thông tin chung

1. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược (Hội đồng tư vấn):

Số/QĐ-BKHCN ngày .../.../20..... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Số lượng đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược:

3. Phương thức, thời gian và địa điểm họp Hội đồng tư vấn:

- Phương thức:

- Thời gian và địa điểm:

+ Thời gian:

+ Địa điểm:

- Số ủy viên Hội đồng tư vấn có mặt trên tổng số ủy viên: .../...

- Vắng mặt: ... người, gồm các ủy viên:

- Khách mời tham dự họp Hội đồng tư vấn:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1.		
2.		
3.		
....		

B. Nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn

1. Thư ký hành chính công bố quyết định thành lập Hội đồng tư vấn.
2. Hội đồng tư vấn thống nhất phương thức làm việc và cử ông/bà làm thư ký khoa học của Hội đồng tư vấn.
3. Các ủy viên phản biện trình bày ý kiến đánh giá các đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược do đơn vị quản lý chuyên môn cung cấp.
4. Hội đồng tư vấn phân tích thảo luận và cho ý kiến đối với các đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược theo các nội dung quy định tại Điều 4, 5 và khoản 4 Điều 7 Quy định này và tư vấn xây dựng đề xuất nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược theo Biểu mẫu BM-05 và Biểu mẫu BM-06.
5. Ủy viên Hội đồng tư vấn bỏ phiếu đánh giá đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược về các nội dung trên. Tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng tư vấn theo Biểu mẫu B4-BBKP-CNCL trong Phụ lục kèm theo Biên bản này.
- Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Hội đồng tư vấn thông qua kết luận theo Phụ lục kèm theo Biên bản này.
6. Các ủy viên phản biện trình bày nội dung dự kiến xây dựng đề xuất nhiệm vụ được đánh giá “Đề nghị thực hiện” theo Biểu mẫu BM-06.
7. Hội đồng tư vấn thảo luận việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện các nội dung của đề xuất nhiệm vụ theo Biểu mẫu BM-05 và Biểu mẫu BM-06.
8. Hội đồng tư vấn thảo luận việc xếp thứ tự ưu tiên (trong trường hợp có 02 đề xuất nhiệm vụ trở lên) và biểu quyết đối với việc xếp thứ tự ưu tiên này.
9. Đối với đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược được đề nghị “Không thực hiện”, Hội đồng tư vấn thống nhất ý kiến về lý do không đề nghị thực hiện.
10. Hội đồng tư vấn thảo luận, thống nhất, kết luận đối với các ý kiến khác nhau của ủy viên (nếu có).
11. Hội đồng tư vấn thông qua Biên bản làm việc.

Thư ký khoa học
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

GHI CHÉP CỦA THƯ KÝ KHOA HỌC

Nội dung ghi chép:

....., ngày ... tháng ... năm 20...
(Thư ký khoa học ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục Biên bản họp Hội đồng tư vấn

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT Ý TƯỞNG PHÁT TRIỂN CÔNG
NGHỆ CHIẾN LƯỢC CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC**

I. Đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược “Đề nghị thực hiện”⁷

TT	Tên đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược	Kết quả đánh giá của Hội đồng	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1			
2			
...			

II. Đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược đề nghị “Không thực hiện”

TT	Tên đề xuất nhiệm vụ	Tóm tắt lý do đề nghị “Không thực hiện”	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1			
2			
...			

Thư ký khoa học
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

⁷ Đề xuất ý tưởng phát triển công nghệ chiến lược “Đề nghị thực hiện” khi có trên 3/4 tổng số phiếu đánh giá “Đạt yêu cầu”.

Phụ lục 2

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ SẴN SÀNG (TRL) CỦA NASA THAM KHẢO CHO NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2772 /QĐ-BKHCN
ngày 13 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Theo Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Hoa Kỳ (NASA), TRL (Technology Readiness Levels) là thang đo mức độ sẵn sàng của công nghệ, gồm 9 mức: TRL 1 là thấp nhất, TRL 9 là cao nhất. Mỗi công nghệ được đánh giá theo mức độ tiến triển từ ý tưởng khoa học ban đầu đến khi được chứng minh trong vận hành thực tế.

Mức TRL	Diễn giải chi tiết	Cách hiểu khi áp dụng cho nhiệm vụ công nghệ chiến lược
TRL 1	Quan sát nguyên lý cơ bản. Nghiên cứu khoa học mới bắt đầu; các nguyên lý, hiện tượng, quy luật khoa học được quan sát, mô tả và có thể định hướng cho nghiên cứu tiếp theo.	Mới có cơ sở khoa học ban đầu. Chưa có mô hình công nghệ, chưa có kiểm chứng ứng dụng. Phù hợp với nghiên cứu nền tảng.
TRL 2	Hình thành khái niệm công nghệ hoặc ứng dụng tiềm năng. Các nguyên lý cơ bản đã được nghiên cứu và bắt đầu được liên hệ với khả năng ứng dụng thực tiễn. NASA lưu ý ở mức này công nghệ còn mang tính suy đoán, có rất ít hoặc chưa có bằng chứng thực nghiệm.	Đã có ý tưởng công nghệ, có thể mô tả công nghệ sẽ dùng để giải quyết bài toán gì, nhưng chưa có minh chứng khả thi (proof-of-concept) đáng tin cậy.
TRL 3	Chứng minh khái niệm ở mức phân tích hoặc thử nghiệm ban đầu. Bắt đầu nghiên cứu, thiết kế tích cực; thường cần cả phân tích lý thuyết và nghiên cứu trong phòng thí nghiệm để xem công nghệ có khả thi không. Ở mức này thường có mô hình proof-of-concept.	Đã có bằng chứng ban đầu cho thấy công nghệ có thể hoạt động. Có thể có mô hình thử nghiệm nhỏ, thuật toán mẫu, mẫu vật liệu, mô phỏng, hoặc thí nghiệm phòng lab.
TRL 4	Kiểm chứng cấu phần hoặc mô hình trong phòng thí nghiệm. Sau khi proof-of-concept sẵn sàng, công nghệ tiến lên TRL 4; nhiều	Công nghệ đã có cấu phần chính và được kiểm chứng trong môi trường phòng thí nghiệm. Chưa

	cầu phần được thử nghiệm với nhau.	đại diện đầy đủ cho điều kiện thực tế.
TRL 5	Kiểm chứng trong môi trường liên quan hoặc gần thực tế. NASA coi TRL 5 là bước tiếp của TRL 4 nhưng yêu cầu thử nghiệm nghiêm ngặt hơn; mô phỏng nên được thực hiện trong môi trường gần thực tế nhất có thể.	Công nghệ đã vượt khỏi thử nghiệm lab đơn giản, bắt đầu được thử trong môi trường mô phỏng, pilot hoặc điều kiện gần thực tế. Đây là mức quan trọng cho công nghệ lỗi, nền tảng.
TRL 6	Trình diễn nguyên mẫu hoặc mô hình đại diện (prototype) trong môi trường liên quan. Sau khi hoàn tất thử nghiệm TRL 5, công nghệ có thể lên TRL 6; NASA mô tả TRL 6 là công nghệ có nguyên mẫu hoạt động đầy đủ hoặc mô hình đại diện.	Đã có prototype tương đối hoàn chỉnh, có thể trình diễn chức năng chính trong môi trường gần thực tế. Phù hợp với nhiệm vụ phát triển công nghệ có đầu ra rõ.
TRL 7	Trình diễn nguyên mẫu trong môi trường vận hành thực tế.	Khi áp dụng ở Việt Nam, nên hiểu là nguyên mẫu được thử nghiệm trong môi trường thực tế hoặc môi trường vận hành đại diện: nhà máy, vùng thử nghiệm, mạng viễn thông thật, đồng ruộng, đô thị, bệnh viện, cảng, khu công nghiệp...
TRL 8	Hệ thống hoàn chỉnh đã được kiểm tra và đủ điều kiện đưa vào sử dụng. NASA mô tả là công nghệ đã được thử nghiệm, đủ điều kiện và sẵn sàng tích hợp vào công nghệ hoặc hệ thống hiện có.	Công nghệ/sản phẩm đã gần thương mại hóa: hoàn thiện thiết kế, kiểm định, chứng nhận, thử nghiệm độ tin cậy, sẵn sàng tích hợp hoặc triển khai quy mô hạn chế.
TRL 9	Công nghệ đã được chứng minh trong nhiệm vụ/vận hành thành công.	Công nghệ/sản phẩm đã vận hành thành công trong thực tế, có khách hàng/người dùng, có bằng chứng triển khai, doanh thu hoặc ứng dụng ổn định. Đây là mức trưởng thành cao nhất.